
CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
FINANCIAL REPORT

QUÝ IV/2024

QUARTER IV/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ACCOUNTING BALANCE SHEET

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

As at December 31, 2024

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

(Applicable to businesses that meet the continuous operation assumption)

Đơn vị tính: VND

Unit: VND

Chỉ tiêu / Target	Mã số Code	Thuyết minh Explanation	Số cuối năm Year-end number	Số đầu năm First number of the year
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN SHORT-TERM ASSETS	100		3,123,500,399	119,470,950,026
I. Tiền và các khoản tương đương tiền Cash and cash equivalents	110		149,961,828	896,513,924
1. Tiền Money	111	VI.01	149,961,828	896,513,924
2. Các khoản tương đương tiền Cash equivalents	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn Short-term financial investment	120			
1. Chứng khoán kinh doanh Trading securities	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) Provision for devaluation of trading securities (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Investment held until maturity	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn Short-term receivables	130		1,404,353,400	101,564,982,000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng Short-term receivables from customers	131	VI.03.a		9,731,440,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn Short-term advance payments to sellers	132		1,398,353,400	93,879,642,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn Short-term internal receivables	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Receivables according to construction contract plan progress	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn Receivables from short-term loans	135			

6. Phải thu ngắn hạn khác Other short-term receivables	136	VI.04.a	6,000,000	8,900,000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) Provision for short-term bad debts (*)	137			(2,055,000,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý Missing assets awaiting resolution	139	VI.05		
IV. Hàng tồn kho Inventory	140	VI.07	1,541,185,416	16,301,000,000
1. Hàng tồn kho Inventory	141		1,541,185,416	17,841,000,000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) Provision for devaluation of inventory (*)	149			(1,540,000,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	150		27,999,755	708,454,102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn Short-term prepaid expenses	151	VI.13.a	27,999,755	
2. Thuế GTGT được khấu trừ VAT is deductible	152			708,454,102
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước and other amounts receivable from the State	153	VI.17.b		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Repurchase transactions of Government bonds	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	155	VI.14.a		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN NON-TERM ASSETS	200		623,827,446,518	490,432,871,469
I. Các khoản phải thu dài hạn Long-term receivables	210		120,000,000	10,093,899,930
1. Phải thu dài hạn của khách hàng Long-term receivables from customers	211	VI.03.b		10,093,899,930
2. Trả trước cho người bán dài hạn Long-term advance payments to sellers	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc Business capital in affiliated units	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn Long-term internal receivables	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn Receivables from long-term loans	215			
6. Phải thu dài hạn khác Other long-term receivables	216	VI.04.b	120,000,000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) Provision for long-term bad debts (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		3,010,564,836	696,124,813
1. Tài sản cố định hữu hình Fixed assets	221	VI.09	3,010,564,836	696,124,813
- Nguyên giá Original price	222		6,290,077,014	3,485,124,014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*) Accumulated depreciation value (*)	223		(3,279,512,178)	(2,788,999,201)

2. Tài sản cố định thuê tài chính Financial leased fixed assets	224	VI.11		
- Nguyên giá Original price	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*) Accumulated depreciation value (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình Intangible fixed assets	227	VI.10		
- Nguyên giá Original price	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*) Accumulated depreciation value (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư Investment real estate	230	VI.12		
- Nguyên giá Original price	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*) Accumulated depreciation value (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn Long-term unfinished assets	240	VI.08	515,714,630	436,085,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn Long-term unfinished production and business costs	241	VI.08.a		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Construction in progress costs	242	VI.08.b	515,714,630	436,085,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn Long-term financial investment	250		620,167,530,693	479,206,761,726
1. Đầu tư vào công ty con Invest in subsidiaries	251		275,199,000,000	275,199,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Invest in joint ventures and affiliated companies	252		122,250,000,000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Invest and contribute capital to other units	253		223,131,000,000	204,227,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) Provision for long-term financial investments (*)	254		(412,469,307)	(219,238,274)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Investment held until maturity	255			
VI. Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	260		13,636,359	
1. Chi phí trả trước dài hạn Long-term prepaid expenses	261	VI.13.b	13,636,359	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại Deferred tax assets	262	VI.24.a		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn Equipment, supplies, and long-term replacement parts	263			
4. Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	268	VI.14.b		

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		626,950,946,917	609,903,821,495
C - NỢ PHẢI TRẢ LIABILITIES	300		23,657,481,500	15,702,540,881
I. Nợ ngắn hạn Short-term debt	310		23,657,481,500	15,702,540,881
1. Phải trả người bán ngắn hạn Short-term payables to suppliers	311	VI.16.a	18,829,003,958	5,126,084,446
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn Buyer pays short-term in advance	312		1,380,750,000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Taxes and amounts payable to the State	313	VI.17.a	289,663,493	16,918,336
4. Phải trả người lao động Payable to employees	314		244,121,486	424,507,142
5. Chi phí phải trả ngắn hạn Short-term payable expenses	315	VI.18.a		7,397,260
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn Short-term internal payables	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Payable according to construction contract plan progress	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn Short-term unearned revenue	318	VI.20.a		
9. Phải trả ngắn hạn khác Other short-term payables	319	VI.19.a	100,884,644	72,659,110
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn Short-term finance lease loans and debt	320		2,758,083,332	10,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn Provision for short-term payables	321	VI.23.a		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi Bonus and welfare fund	322		54,974,587	54,974,587
13. Quỹ bình ổn giá Price stabilization fund	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Resale transactions of Government bonds	324			
II. Nợ dài hạn Long-term debt	330			
1. Phải trả người bán dài hạn Long-term payables to suppliers	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn Buyer pays in advance long term	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn Long-term expenses	333	VI.18.b		

4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh Internal payables for business capital	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn Long-term internal payables	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn Long-term unearned revenue	336	VI.20.b		
7. Phải trả dài hạn khác Other long-term payables	337	VI.19.b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn Long-term financial lease loans and debt	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi Convertible bonds	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi Preferred shares	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả Deferred income tax payable	341	VI.24.b		
12. Dự phòng phải trả dài hạn Long-term provisions for payables	342	VI.23.b		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Science and technology development fund	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU OWNER'S EQUITY	400		603,293,465,417	594,201,280,614
I. Vốn chủ sở hữu Owner's equity	410	VI.25	603,293,465,417	594,201,280,614
1. Vốn góp của chủ sở hữu Owner's capital contribution	411		431,999,740,000	431,999,740,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết Common shares with voting rights	411a		431,999,740,000	431,999,740,000
- Cổ phiếu ưu đãi Preferred shares	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần Share premium	412		(193,750,000)	(193,750,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu Bond conversion option	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu Other owners' capital	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*) Treasury shares (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản Asset revaluation difference	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái Exchange rate difference	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển Development investment fund	418		2,863,107,311	2,863,107,311
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Enterprise arrangement support fund	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Other funds belonging to owner's equity	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Undistributed profit after tax	421		168,624,368,106	159,532,183,303

- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước Undistributed profit after tax accumulated to the end of the previous period	421a		159,532,183,303	158,234,081,591
- LNST chưa phân phối kỳ này Undistributed profit after tax of this period	421b		9,092,184,803	1,298,101,712
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB Investment capital for construction and installation	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác Other sources of funds and funds	430	VI.28		
1. Nguồn kinh phí Funding sources	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Funding sources for fixed assets	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) TOTAL CAPITAL SOURCES (440 = 300 + 400)	440		626,950,946,917	609,903,821,495

Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2025
Established, January 21, 2025

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trương

Khan Phi Thanh Hương

- Số chứng chỉ hành nghề:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

[Signature]

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Bích Ngọc

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tâm

Công ty cổ phần Sara Việt Nam

Sara Vietnam Joint Stock Company

Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Hoàng Mai, Hà Nội

Villa 35 BT5, Phap Van Tu Hiep Urban Area, Hoang Mai, Hanoi

MST: 0101476469/Tax code: 0101476469

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BUSINESS PERFORMANCE REPORT

Năm 2024

Year 2024

Đvt: VND

Chỉ tiêu/Target	Mã số/Code	Thuyết minh Explanation	Q4/2024	Q4/2023	Lý kể từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 Accumulated from 01/01/2024 to 31/12/2024	Lý kể từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 Accumulated from 01/01/2023 to 31/12/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Sales and service revenue	01	VII.1	20,706,829,630	2,669,200,000	64,930,829,630	15,331,453,225
2. Các khoản giảm trừ doanh thu Revenue deductions	02	VII.2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) Net sales and service revenue (10 = 01 - 02)	10		20,706,829,630	2,669,200,000	64,930,829,630	15,331,453,225
4. Giá vốn hàng bán Cost of goods sold	11	VII.3	15,107,000,000	1,509,054,545	56,081,000,000	11,415,629,045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) Gross profit from sales and service (20 = 10 - 11)	20		5,599,829,630	1,160,145,455	8,849,829,630	3,915,824,180
6. Doanh thu hoạt động tài chính Financial revenue	21	VII.4	1,600,070,205	15,041	2,600,914,278	444,254
7. Chi phí tài chính Financial expenses	22	VII.5	(11,142,000,813)	251,699,867	1,743,156,581	1,238,204,355
- Trong đó: Chi phí lãi vay Including: Interest expense	23			251,699,867		1,238,204,355
8. Chi phí bán hàng Sales expenses	25	VII.8		100,000,000	13,556,000	331,459,804

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp Business management expenses	26	VII.8	220,049,241	655,202,503	803,304,859	2,706,325,009
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26) Net profit from business activities (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		18,121,851,407	153,258,126	8,890,726,468	(359,720,734)
11. Thu nhập khác Other income	31	VII.6	(13,394,665)	2,068,901	243,463,282	6,084,075,675
12. Chi phí khác Other expenses	32	VII.7	4,832,709	3,517,884	42,004,947	4,539,442
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) Other profits (40 = 31 - 32)	40		(18,227,374)	(1,448,983)	201,458,335	6,079,536,233
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) Total accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50		18,103,624,033	151,809,143	9,092,184,803	5,719,815,499
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành Current corporate income tax expense	51	VII.10				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại Deferred corporate income tax expense	52	VII.11				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) Profit after corporate income tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		18,103,624,033	151,809,143	9,092,184,803	5,719,815,499
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) Basic earnings per share (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) Diluted earnings per share (*)	71		-	-		

Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Hương

Kiên Thị Thanh Hương

- Số chứng chỉ hành nghề:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Bích Ngọc

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tâm

- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Công ty cổ phần Sara Việt Nam
Sara Vietnam Joint Stock Company

Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Hoàng Mai, Hà Nội
Villa 35 BT5, Phap Van Tu Hiep Urban Area, Hoang Mai, Hanoi

MST: 0101476469/Tax code: 0101476469

Mẫu số: B03a-DN/Form No.: B03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Issued under
Circular No. 200/2014/TT-BTC

Dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance)
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CASH FLOW STATEMENT

(Dạng đầy đủ)

(Full Form)

(Theo phương pháp trực tiếp)

(Direct Method)

Năm 2024

Year 2024

Chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
Branch: SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

Chỉ tiêu/Target	Mã số Code	Thuyết minh Explanation	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
			Năm nay year	Năm trước Previous year
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh Cash flows from operating activities				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác Cash receipts from sales, rendering of services and other revenues	01		95,486,910,278	45,151,279,780
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ Cash payments to suppliers of goods and services	02		(36,256,555,926)	(23,945,666,940)
3. Tiền chi trả cho người lao động Cash payments to employees	03		(1,840,353,580)	(1,640,141,834)
4. Tiền lãi vay đã trả Interest paid	04		(1,600,597,274)	(1,698,604,804)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp Corporate income tax paid	05			(672,633,333)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh Other cash receipts from operating activities	06		123,790,498,598	22,519,615,383

7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh Other cash outflows for operating activities Net cash flows from operating activities	07		(16,894,032,300)	(25,327,008,542)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		162,685,869,796	14,386,839,710
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40,000,000)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(141,154,000,000)	(59,099,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			59,300,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư Net cash flow from investing activities	30		(141,194,000,000)	201,000,000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính Cash flow from financing activities				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu Cash received from issuing shares, receiving capital contributions from owners	31			0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành Cash returned to owners, buying back shares of the enterprise that have been issued	32			0
3. Tiền thu từ đi vay Cash received from borrowing	33		55,006,250,000	20,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay Cash paid for principal of loans	34		(62,248,166,668)	(10,000,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính Cash paid for principal of financial leases	35		(15,000,000,000)	(24,000,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu Dividends, profits paid to owners	36			0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính Net cash flow from financing activities	40		(22,241,916,668)	(14,000,000,000)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) Net cash flow during the period (50 = 20 + 30 + 40)	50		(750,046,872)	587,839,710
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60		900,008,700	312,168,990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ Effect of changes in foreign exchange rates	61			0

1/2

Chỉ tiêu/Target	Mã số Code	Thuyết minh Explanation	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
			Năm nay year This year	Năm trước Previous year
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) Cash and cash equivalents at the end of the period	70	VIII	149,961,828	900,008,700

Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trương

Kiên Phi Thanh Hương

- Số chứng chỉ hành nghề:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

[Signature]

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Bích Ngọc

Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

TẠI 31 THÁNG 12 NĂM 2024

AS OF 31 DECEMBER 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHARACTERISTICS OF THE COMPANY'S OPERATIONS

- Hình thức sở hữu vốn**
Form of capital ownership Công ty cổ phần.
Joint stock company.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Business fields Thương mại và Dịch vụ.
Trade and Services.
- Ngành nghề kinh doanh**
Business lines
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
Wholesale of other machinery, equipment and spare parts;
Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
Details Wholesale of medical machinery and equipment;
 - Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
Purchase and sale of consumables, films, medical chemicals;
 - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
Pollution treatment and other waste management activities;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
Leasing of machinery, equipment and other tangible items without operators
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
Details Leasing of medical machinery and equipment;
 - Kinh doanh mặt hàng đông lạnh chưa qua chế biến
Trading in unprocessed frozen goods
Chi tiết: Kinh doanh cá đông lạnh, tai heo
Details: Trading in frozen fish, pig ears
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
Normal production and business cycle: Within 12 months
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Enterprise structure:
5.1 Các Công ty con
Subsidiaries

Tên công ty Company name	Địa chỉ trụ sở chính Head office address	Tỷ lệ vốn góp thực tế Actual capital contribution	Ngành nghề kinh doanh chính Main business lines
Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka Company name Head office address Actual capital contribution ratio Main business lines Ha Long Osaka High- tech Equipment Manufacturing Joint Stock Company	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh Lot A15, Nam Sơn Industrial Cluster, Nam Sơn Commune, Ba Che District, Quang Ninh	99% Province 99%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Wholesale of machinery and medical equipment

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản Vietnam Japan Production Joint Stock Company Song Hau Industrial	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang Park - Phase 1, Dong Phu Commune, Chau Thanh District, Hau Giang	98,22% Province 98.22%	Sản xuất vật tư y tế, đóng gói hóa chất Manufacturing medical supplies, packaging chemicals
Công ty cổ phần sản xuất phần mềm Y Tế Việt Y Te Viet Software Manufacturing Joint Stock Company	35 BT5 KĐT Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội 35 BT5 Phap Van Urban Area, Hoang Liet Ward, Hoang Mai District, Hanoi City	98% Province 98%	Lập trình máy tính, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin Computer programming, information technology services
Công ty Cổ phần Phòng Khám Tân Triều Clinic Joint Stock Company Tan Trieu	Số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội. No. 1 Phuc Thinh, Cau Buu, Kien Hung Ward, Ha Dong District, Hanoi.	98% Province 98%	Phòng khám đa khoa, chuẩn đoán hình ảnh General clinic, diagnostic imaging
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Hậu Giang General clinic, diagnostic imaging Hau Giang Healthcare Clinic Joint Stock Company	Số 16, đường số 4, Khu vực 4, Phường III, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. No. 16, Road No. 4, Area 4, Ward III, Vi Thanh City, Hau Giang Province	98% Province 98%	Phòng khám đa khoa, chuẩn đoán hình ảnh General clinic, diagnostic imaging
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Sóc Trăng Soc Trang Healthcare Clinic Joint Stock Company Ground	Tầng trệt số 438 đường Lê Duẩn, Khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng. floor o. 438 Le Duan Street, Hamlet 4, Ward 4, Soc Trang City	98% Province 98%	Phòng khám đa khoa, chuẩn đoán hình ảnh General clinic, diagnostic imaging

5.2 Các Công ty liên kết Affiliated companies

Tên công ty Company name	Địa chỉ trụ sở chính Head office address	Tỷ lệ vốn góp thực tế Actual capital contribution	Ngành nghề kinh doanh chính Main business lines
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Quảng Bình Company name Head office address Actual capital contribution ratio Main business lines Golab Quang Binh Testing Center Joint Stock Company	Cụm 1, tổ dân phố 14, Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình Cluster 1, residential group 14, Nam Ly Ward, Dong Hoi City, Quang Binh	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Vĩnh Phúc Golab Vinh Phuc Testing Center Joint Stock Company	Tổ dân phố Phú Thượng, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc hu Thuong residential group, Lap Thach town, Lap Thach district, Vinh Phuc	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Pháp Vân Famicare Phap Van Joint Stock Company	Tầng 1, Lô BT 5, Số 18 KĐT mới Pháp Vân- Tứ hiệp, P Hoàng Liệt, Q Hoàng Mai, TP HN 1st Floor, Lot BT 5, No. 18 Phap Van - Tu Hiep New Urban Area, Hoang Liet Ward, Hoang Mai District, Hanoi City	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Pháp Vân Golab Phap Van Testing Center Joint Stock Company	Tầng 1, Lô BT 5, Số 17 KĐT mới Pháp Vân- Tứ hiệp, P Hoàng Liệt, Q Hoàng Mai, TP HN 1st Floor, Lot BT 5, No. 17 Phap Van New Urban Area Van- Tu Hiep, Hoang Liet Ward, Hoang Mai District, Hanoi	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Vĩnh Long Famicare Vinh Long Joint Stock Company	Lầu 1 Số 64/12C, đường Trần Phú, Phường 4, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long 1st Floor No. 64/12C, Tran Phu Street, Ward 4, Vinh Long City, Vinh Long	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Bạc Liêu Famicare Bac Lieu Joint Stock Company	Lầu 1 Số 210, đường Bà Triệu, P3, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu 1st Floor No. 210, Ba Trieu Street, Ward 3, Bac Lieu City, Bac Lieu	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Bạc Liêu Golab Bac Lieu Testing Center Joint Stock Company Ground	Tầng trệt Số 210, đường Bà Triệu, P3, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu Floor No. 210, Ba Trieu Street, Ward 3, Bac Lieu City, Bac Lieu	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Quảng Bình Famicare Quang Binh Joint Stock Company	Cụm 1, tổ dân phố 14, Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình Cluster 1, Residential Group 14, Nam Ly Ward, Dong Hoi City, Quang Binh	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general,

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

			specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Hải Dương Famicare Hai Duong Joint Stock Company	274 Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương 274 Nguyen Luong Bang, Hai Duong	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Kiên Giang Famicare Kien Giang Joint Stock Company	Lầu 1 Số C31-P8, đường 3/2, Phường An Hòa, Tp.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang 1st Floor No. C31-P8, 3/2 Street, An Hoa Ward, Rach Gia City, Kien Giang	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Gò Vấp Golab Go Vap Testing Center Joint Stock Company Golab Testing Center Joint Stock Company District 5 (Cho Ray Hospital)	755 Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, TP. HCM 755 Nguyen Kiem, Ward 3, Go Vap District, City. HCM	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Quận 5 (Bv Chợ Rẫy)	26 Tân Thành, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 26 Tan Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Tên công ty Company name	Địa chỉ trụ sở chính Head office address	Tỷ lệ vốn góp thực tế Actual capital contribution	Ngành nghề kinh doanh chính Main business lines
Công Ty Cổ Phần Trung Tâm Xét Nghiệm Golab Kon Tum Golab Testing Center Joint Stock Company Kon Tum	Số 370 Đường Bà Triệu, Phường Quang Trung, Thành Phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam No. 370 Ba Trieu Street, Quang Trung Ward, Kon Tum City, Kon Tum Province, Vietnam	30% Province 30%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Bắc Ninh Famicare Bac Ninh Joint Stock Company	Khu phố Đình, Phường Phố Mới, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam Dinh Quarter, Pho Moi Ward, Que Vo Town, Bac Ninh Province, Vietnam	45% Province 45%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general,

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

			specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Ninh Bình Famicare Ninh Binh Joint Stock Company	Số nhà 128, đường Tuệ Tĩnh, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam No. 128, Tue Tinh Street, Nam Thanh Ward, Ninh Binh City, Ninh Binh	45% Province 45%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Hòa Bình Famicare Hoa Binh Joint Stock Company	Tầng 2, Số 83 đường Cù Chính Lan, Phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam 2nd Floor, No. 83 Cu Chinh Lan Street, Dong Tien Ward, Hoa Binh City, Hoa Binh	42% Province 42%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics
Công Ty Cổ Phần Famicare Sóc Trăng Famicare Soc Trang Joint Stock Company	Lầu 2, Số 438 Đường Lê Duẩn, Khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam 2nd Floor, No. 438 Le Duan Street, Hamlet 4, Ward 4, Soc Trang City, Soc Trang	42% Province 42%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Activities of general, specialized and dental clinics

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.
Subsidiaries and associates are operating normally.

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho Quý IV/2024 chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC Quý IV /2023 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

. Statement on comparability of information in the financial statements: The financial statements for the fourth quarter of 2024 ending on December 31, 2024 are completely consistent and ensure comparability with the financial statements for the fourth quarter of 2023 fiscal year ending on December 31, 2024.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN ACCOUNTING PERIOD, CURRENCY USED IN ACCOUNTING

1. Kỳ kế toán năm

Annual accounting period

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

The Company's annual accounting period begins on January 1 and ends on December 31 of each year.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Accounting currency

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

The accounting currency is Vietnamese Dong (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG ACCOUNTING STANDARDS AND REGIMES APPLIED

1. Chế độ kế toán áp dụng

Applicable accounting regime

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

The Company applies the Vietnamese Enterprise Accounting Regime issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 of the Minister of Finance and circulars guiding the implementation of accounting standards and regimes of the Ministry of Finance.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Declaration on compliance with accounting standards and accounting regimes

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

The Board of Directors ensures that it has complied with the requirements of the accounting standards and the Vietnamese Enterprise Accounting Regime issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 of the Minister of Finance and the circulars guiding the implementation of accounting standards and regimes of the Ministry of Finance in preparing the Financial Statements.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Applicable accounting form

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

The Company uses the general journal accounting form on computers.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG APPLIED ACCOUNTING POLICIES

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Basis of preparation of Financial Statements

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Financial statements are prepared on the basis of accrual accounting (except for information related to cash flows).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Principles of recording cash and cash equivalents

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Cash and cash equivalents include cash, bank deposits, cash in transit and short-term investments with a maturity of no more than 3 months from the date of purchase, easily convertible into a certain amount of cash and with little risk of conversion into cash.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Principles of accounting for financial investments

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Investments in subsidiaries; joint ventures, associates;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Investments in subsidiaries, joint ventures, associates, and capital contributions to other entities are recorded at original cost. Interest, dividends and profits from periods before the investment is purchased are recorded as a reduction in the value of that investment. Interest, dividends and profits from periods after the investment is purchased are recorded as revenue

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

When preparing financial statements, enterprises must determine the value of the lost investment to set up a provision for investment losses.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Trade receivables and other receivables

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Trade receivables and other receivables are recorded according to actual occurrence with full and valid documents.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

Provision for doubtful debts is made for each doubtful debt based on the age of overdue debts of the debts or the expected level of loss that may occur according to the provisions of Circular No. 48/2019/TT-BTC dated August 8, 2019 of the Ministry of Finance guiding the regime of setting up and using provisions for inventory price reduction, loss of financial investments, and receivables.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Principles of inventory recognition

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Inventories are determined on the basis of original cost. The original cost of inventories includes purchase costs, processing costs and other directly related costs incurred to have the inventories in the current location and condition.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

The original cost of inventories is calculated by the weighted average method and is accounted for by the regular declaration method.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

Payables for goods and services received from sellers or provided to buyers during the reporting period but not actually paid due to lack of invoices or insufficient accounting records and documents, and payable loan interest expenses are recorded in production and business expenses of the reporting period.

Accounting for payable expenses into production and business expenses during the period must be carried out according to the principle of matching between revenue and expenses incurred during the period. Actual expenses incurred must be settled with pre-deducted payable expenses, the difference will be reversed or continued to be accounted for and

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Principles of recognizing owners' equity

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Principles of recognizing owners' capital contributions, capital surplus, fund allocations, and dividend distribution

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Owner's investment capital

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Owner's investment capital is recorded according to the actual amount invested by shareholders.

Lợi nhuận chưa phân phối

Undistributed profits

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Recording business results (profits, losses) after corporate income tax and the situation of profit distribution or loss handling of the enterprise.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Principles and methods of recognizing revenue

a) *Doanh thu bán hàng*

Sales revenue

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Sales revenue is recognized when the following conditions are simultaneously satisfied:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Most of the risks and benefits associated with the ownership of the product or goods have been transferred to the buyer;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

The company no longer holds the right to manage the goods as the owner of the goods or the right to control the goods;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Revenue is determined relatively reliably;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
The company has received or will receive economic benefits from the sale transaction;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.
Determining the costs related to the sales transaction./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Service revenue

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Service revenue is recognized when the following conditions are simultaneously satisfied:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
Revenue is determined with relative certainty;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
It is probable that economic benefits will flow from the service transaction;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
The portion of work completed on the date of the Balance Sheet can be determined;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.
The costs incurred for the transaction and the costs to complete the service transaction can be determined./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Financial revenue

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

Revenue arising from interest, royalties, dividends, shared profits and other financial revenue is recognized when the following two (02) conditions are simultaneously satisfied:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
It is probable that economic benefits will flow from the transaction
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.
Revenue is determined relatively certainly./.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Principles of accounting for cost of goods sold.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Cost of goods sold in the year is recorded in accordance with revenue generated in the period and ensures compliance with the principle of prudence.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Principles of accounting for selling expenses and business management expenses

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Selling expenses reflect actual expenses incurred in the process of selling products, goods, providing services, including costs of offering, introducing products, advertising products, sales commissions, product warranty costs, goods (except for construction activities), costs of preservation, packaging, transportation, etc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Business management expenses reflect general management expenses of the enterprise, including expenses for salaries of employees in the business management department (salaries, wages, allowances, etc.); social insurance, health insurance, union fees, unemployment insurance of business management employees; costs of office materials, labor tools, depreciation of fixed assets used for business management; Land rent, business license tax; provision for bad debts; purchased services (electricity, water, telephone, fax, property insurance, fire insurance...); other cash expenses (reception, customer conferences...)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Principles and methods of recording current corporate income tax expenses, deferred corporate income tax expenses

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Corporate income tax expenses are current income taxes, calculated based on taxable income. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses as well as adjustments for non-taxable income and losses carried forward.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

The Company is obliged to pay corporate income tax at a rate of 20%.

15. Tài sản tài chính

Financial assets

Phân loại tài sản tài chính

Classification of financial assets

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

The Company classifies financial assets into the following groups: financial assets recorded at fair value through the Income Statement, investments held to maturity, loans and receivables, and available-for-sale financial assets. The classification of these financial assets depends on the nature and purpose of the financial asset and is determined at the time of initial recognition.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Financial assets at fair value through the statement of profit or loss

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Financial assets are classified as at fair value through the statement of profit or loss if they are held for trading or designated as such at fair value through the statement of profit or loss at the time of initial recognition.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Held-to-maturity investments

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and fixed maturities that the Company has the positive intention and ability to hold to maturity.

Các khoản cho vay và phải thu

Loans and receivables

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Loans and receivables are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and are not listed on an active market.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Available-for-sale financial assets

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Available-for-sale financial assets are non-derivative financial assets that are designated as available for sale or that are not classified as financial assets at fair value through the statement of income, held-to-maturity investments, or loans and receivables.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Initial carrying amount of financial assets

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Financial assets are recognised at the date of acquisition and derecognised at the date of sale. At the time of initial recognition, financial assets are measured at their purchase price/issue costs plus any other costs directly attributable to the acquisition or issue of the financial asset.

16. Nợ phải trả tài chính

Financial liabilities

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Financial instruments are classified as financial liabilities or equity instruments at the time of initial recognition in accordance with the nature and definition of financial liabilities and equity instruments.

Nợ phải trả tài chính

Financial liabilities

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

The Company classifies financial liabilities into groups: financial liabilities recorded at fair value through the Income Statement, financial liabilities determined at amortized cost. The classification of financial liabilities depends on the nature and purpose of the financial liability and is determined at the time of initial recognition.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

A financial liability is classified as measured at fair value through the Statement of Income if it is held for trading or designated as such at fair value through the Statement of Income upon initial recognition.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

A financial liability is classified as held for trading if:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
It is acquired or incurred principally for the purpose of repurchasing it in the near term;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
There is evidence of a recent actual pattern of short-term profit-taking;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
It is a derivative (except for a derivative that is a financial guarantee contract or a designated and effective hedging instrument)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Financial liabilities are measured at amortized cost.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Financial liabilities are measured at amortised cost, which is the amount at which the financial liability is initially recognised minus principal repayments, plus or minus the cumulative amortisation using the effective interest method of any difference between that initial amount and the maturity amount, and minus any reduction (directly or through the use of an allowance account) for impairment or uncollectibility.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

The effective interest method is a method of calculating the amortized cost of a financial liability or group of financial liabilities and allocating interest income or expense over the relevant period. The effective interest rate is the rate at which estimated future cash flows that will be paid or received over the expected life of the financial instrument or, if appropriate, shorter, are discounted to the net present carrying amount of the financial liability.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Initial book value of financial liability

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BTS KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

At initial recognition, financial liabilities are measured at issue price plus any costs directly attributable to the issue of the financial liability.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Equity Instruments

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Equity instruments are contracts that evidence a residual interest in the assets of the Company after deducting all of its liabilities.

17. Bên liên quan

Related Parties

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Parties are considered to be related if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control or common significant influence.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

In considering a related party relationship, attention is paid to the substance of the relationship rather than the legal form.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

Transactions with related parties during the year are presented in note VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE BALANCE SHEET

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Cash and cash equivalents

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	3.915.776	662.121.870
Cash		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.6046.052	234.392.054
Demand deposits		
Cộng	149.961.828	896.513.924
Total		

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Short-term receivables from customers

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2024 - 31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị Reserve	Dự phòng Value	Giá trị Reserve	Dự phòng Value
Phải thu ngắn hạn của khách hàng Short-term receivables from customers				
Công ty CP đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ Can Tho High-Tech Investment Joint Stock Company			6.850.000.000	
Công ty cổ phần công nghệ cao y tế và môi trường Hạ Long Tokyo Ha Long Tokyo High-Tech Medical and Environmental Joint Stock Company			2.881.440.000	
Công ty CP Sara Phú Thọ Sara Phu Tho Joint Stock Company				
Công ty CP Vinam Vinam Joint Stock Company				
Công ty CP ĐTBV Sara Sara Investment and Development Joint Stock Company				
Cộng Community	0		9.731.440.000	
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn Short-term prepayment to seller				
		31/12/2024		01/01/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Reserve	Value	Reserve	Value
Trả trước cho người bán khác Prepayment to other sellers				
Công ty TNHH ITESIC ITESIC Co., Ltd.			30.000.000	-
Công ty TNHH Hưng Thịnh LS Hung Thinh LS Co., Ltd.	224.162.000		224.162.000	
Công ty TNHH thiết bị Y học Nhật Japan Medical Equipment Co., Ltd.			41.880.000.000	-
Công ty CP Kanpeki Nhật Bản Kanpeki Japan Joint Stock Company	641.230.000		51.215.980.000	-
Công ty TNHH tư vấn và chuyển giao công nghệ môi trường Thăng Long Thang Long Environmental Technology Transfer and Consulting Co., Ltd.	529.500.000		529.500.000	-
Công ty TNHH Minh Đạo Phát Minh Dao Phat Co., Ltd.				
Khác Others	3.461.400			

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị Reserve	Dự phòng Value	Giá trị Reserve	Dự phòng Value
Cộng Community	1.398.353.400		93.879.642.000	-
4. Các khoản phải thu khác Other receivables				
a) Ngắn hạn Short-term				
	Từ 01/001/2024 đến 31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị Reserve	Dự phòng Value	Giá trị Reserve	Dự phòng Value
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>Receivables from related parties</i>	0	-	0	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> <i>Receivables from other organizations and individuals</i>				-
Công ty Quản lý quỹ Bông Sen Bong Sen Fund Management Company	0	-	2.900.000	-
Ký cược, ký quỹ Betting, deposit	6.000.000	-	6.000.000	-
Cộng Add	6.000.000	-	8.900.000	-
b) Dài hạn Long term				
	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị Reserve	Dự phòng Value	Giá trị Reserve	Dự phòng Value
Công ty Cổ phần Sara Vững Tàu(*) Sara Vung Tau Joint Stock Company(*)		-	6.171.700.000	-
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ(**) ara Phu Tho Joint Stock Company(**)		-	3.922.199.930	-
Ký cược (pin ô tô Vinfat) Betting (Vinfat car battery)	120.000.000	-		-
Cộng Total	120.000.000	-	10.093.899.930	-

(*) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Vững Tàu trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm- không khói trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HĐHT/SRAVN-SRAVT ngày 05 tháng 6 năm 2020, tổng vốn dự kiến của Dự án là 123.434.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 58.013.980.000 VND tương đương 47% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chia lợi nhuận là 47:53. Theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHD/1203/2021/SRA-SARAVT ngày 12 tháng 03 năm 2021 thay đổi về tỷ lệ góp vốn vào dự án của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam là 5% tổng vốn đầu tư và lợi nhuận phân chia là 5% lợi nhuận sau thuế. Hoàn tất thanh lý hợp đồng ngày 29/10/2024

(*) This is a business cooperation investment with Sara Vung Tau Joint Stock Company in the Project "Concentrated medical waste treatment area using negative pressure - smokeless incineration technology in Ba Ria Vung Tau province" according to Business Cooperation Contract No. 02/2020/HDHT/SRAVN-SRAVT dated June 5, 2020, the total expected capital of the Project is 123,434,000,000 VND, in which Sara Vietnam Joint Stock Company contributes 58,013,980,000 VND equivalent to 47% of the total capital; term of 50 years, capital contribution and profit sharing ratio is 47:53. According to the appendix to the contract No. 01/PLHD/1203/2021/SRA-SARAVT dated March 12, 2021, the change in the capital contribution ratio to the project of Sara Vietnam Joint Stock Company is 5% of the total investment capital and the profit sharing is 5% of the profit after tax. Complete the liquidation of the contract on October 29, 2024

(**) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HDHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

(**) Is a business cooperation investment with Sara Phu Tho Joint Stock Company in the Project "Concentrated treatment area for medical waste using smokeless negative pressure incineration technology" according to the Business Cooperation Contract No. 1808/2016/HDHTKD-SRAPT dated November 15, 2016, the total expected capital of the Project is VND 78,443,998,595, of which Sara Vietnam Joint Stock Company contributes VND 3,922,199,930 equivalent to 5% of the total capital; 50 years, capital contribution and profit sharing ratio is 5:95.

Hoàn tất thanh lý hợp đồng ngày 28/10/2024

Complete contract liquidation on October 28, 2024

5. Hàng tồn kho

Inventory

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị Reserve	Dự phòng Value	Giá trị Reserve	Dự phòng Value
Hàng hóa Goods	1.541.185.416		17.841.000.000	(1.540.000.000)
Cộng Plus	1.541.185.416	0	17.841.000.000	(1.540.000.000)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Increase or decrease in tangible fixed assets

Là giá trị máy móc thiết bị, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

The value of machinery and equipment, details arising during the year are as follows:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm Beginning Balance	3.485.124.014	2.788.999.201	696.124.813
Khấu hao trong kỳ Depreciation for the Period		490.512.977	(490.512.977)
Tăng trong kỳ Increase for the Period	2.804.953.000		2.804.953.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối kỳ	6.290.077.014	3.279.512.178	3.010.564.836
Ending Balance			

7. Đầu tư tài chính dài hạn
Long-term financial investments
7.1 Đầu tư vào công ty con
Investments in subsidiaries

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc Original price	Dự phòng Value	Giá gốc Original price	Dự phòng Value
Đầu tư vào công ty con Investment in subsidiaries				
Công ty Cổ phần Sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka (a) Ha Long Osaka High-tech Equipment Manufacturing Joint Stock Company (a)	275.199.000.000	107.536.788	275.199.000.000	219.238.274
Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản (b) Vietnam Japan Production Link Joint Stock Company (b)	69.399.000.000	-	69.399.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất phần mềm Y Tế Việt (c) Yte Viet Software Manufacturing Joint Stock Company (c)	88.200.000.000	-	88.200.000.000	219.238.274
Công ty cổ phần phòng khám Tân Triều. (d) Tan Trieu Clinic Joint Stock Company. (d)	29.400.000.000	107.536.788	29.400.000.000	-
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare Hậu Giang. Healthcare Clinic Joint Stock Company Hau Giang€	29.400.000.000	-	29.400.000.000	-
Công ty cổ phần phòng khám Healthcare Sóc Trăng. (f) Healthcare Clinic Joint Stock Company Soc Trang. (f)	29.400.000.000	-	29.400.000.000	-
7.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Investment in capital contribution to other units				
Trung tâm sản nhi Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (j) Obstetrics and Pediatrics Center, Phu Tho	204.227.000.000	-	204.227.000.000	-
Công Ty cổ Phần Phòng Khám Medicare Hữu Nghị(k)	4.764.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2024 đến		01/01/2024	
	31/12/2024			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Original price	Value	Original price	Value
Medicare Friendship Clinic Joint Stock Company (k) Công Ty cổ Phần Phòng Khám Medicare Ninh Bình(l) Medicare Ninh Binh Clinic Joint Stock Company (l)	4.640.000.000			
Công Ty Cổ Phần Phòng Khám Ba Đình(m) Ba Dinh Clinic Joint Stock Company(m)	4.700.000.000			
Công Ty Cổ Phần Phòng Khám Nghệ An(n) Nghệ An Clinic Joint Stock Company(n)	4.800.000.000			
Cộng	223.131.000.000		204.227.000.000	-
Add				

(a) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702075936 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã góp 49.500.000.000 VND tương đương 99% vốn điều lệ.

(a) Is an investment in Ha Long Osaka High-Tech Equipment Manufacturing Joint Stock Company under the Business Registration Certificate No. 5702075936 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Ninh province on February 5, 2021. As of March 31, 2023, the Company has contributed VND 49,500,000,000, equivalent to 99% of the charter capital.

(b) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300345260 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18 tháng 08 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã góp 49.000.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(b) Is an investment in Vietnam - Japan Production Link Joint Stock Company under the Business Registration Certificate No. 6300345260 issued by the Department of Planning and Investment of Hau Giang province on August 18, 2021. As of March 31, 2023, the Company has contributed VND 49,000,000,000, equivalent to 98% of the charter capital.

(c) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Y Tế Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109725491 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 02 tháng 08 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã góp 29.400.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(c) Is an investment in Vietnam Medical Software Production Joint Stock Company under the Business Registration Certificate No. 0109725491 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on August 2, 2021. As of March 31, 2023, the Company has contributed VND 29,400,000,000, equivalent to 98% of the charter capital.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(d) Là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần phòng khám Tân Triều theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109734577 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 18 tháng 08 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã góp 29.400.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(d) Is an investment in Tan Trieu Clinic Joint Stock Company under the Business Registration Certificate No. 0109734577 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on August 18, 2021. As of March 31, 2023, the Company has contributed VND 29,400,000,000, equivalent to 98% of the charter capital.

(e) Là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần phòng khám Healthcare Hậu Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200794804 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 08 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã góp 29.400.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(e) Is an investment in Healthcare Hau Giang Clinic Joint Stock Company according to Business Registration Certificate No. 2200794804 issued by the Department of Planning and Investment of Hau Giang province on August 16, 2021. As of March 31, 2023, the Company has contributed VND 29,400,000,000 equivalent to 98% of charter capital.

(f) Là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần phòng khám Healthcare Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346338 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23 tháng 07 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã góp 29.400.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(f) Is an investment in Healthcare Soc Trang Clinic Joint Stock Company under the Business Registration Certificate No. 6300346338 issued by the Department of Planning and Investment of Hau Giang province on July 23, 2021. As of March 31, 2023, the Company has contributed VND 29,400,000,000 equivalent to 98% of the charter capital.

(J) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 24 tháng 9 năm 2019 và phụ lục số 02 ngày 29 tháng 10 năm 2019, số tiền góp vốn là 204.227.000.000 VND, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với từng lần góp vốn. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã góp vốn vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ là 204.227.000.000 VND. Đến thời điểm hiện tại Trung tâm sản nhi đã đi vào hoạt động.

(J) Is an investment in Phu Tho Provincial General Hospital to invest in the construction of the Obstetrics and Pediatrics Center of Phu Tho Provincial General Hospital under the capital contribution contract No. 01/2019/HD/BVĐKPT-SRA dated September 24, 2019 and Appendix No. 02 dated October 29, 2019, the capital contribution amount is VND 204,227,000,000, the contribution period is 36 years. The Company is granted a Certificate of Capital Contribution corresponding to each capital contribution. As of March 31, 2023, the Company has contributed capital to Phu Tho Provincial General Hospital of VND 204,227,000,000. Up to now, the Maternity and Pediatrics Center has come into operation.

(k) Là khoản đầu tư của Công Ty Cổ Phần Sara Việt Nam vào Công Ty Cổ Phần Phòng Khám Medicare Hữu Nghị Số tiền góp vốn là: 4.764.000.000 (Bốn tỷ bảy trăm sáu mươi tư triệu đồng./.).

(k) Is an investment of Sara Vietnam Joint Stock Company in Medicare Friendship Clinic Joint Stock Company. The capital contribution is: 4,764,000,000 (Four billion seven hundred sixty-four million VND./.).

(l) Là khoản đầu tư của Công Ty Cổ Phần Sara Việt Nam vào Công Ty Cổ Phần Phòng Khám Medicare Ninh Bình Số tiền góp vốn là: 4.640.000.000 (Bốn tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng./.).

(l) Is an investment of Sara Vietnam Joint Stock Company in Medicare Ninh Binh Clinic Joint Stock Company. The capital contribution is: 4,640,000,000 (Four billion six hundred forty million VND./.).

(m) Là khoản đầu tư của Công Ty Cổ Phần Sara Việt Nam vào Công Ty Cổ Phần Phòng Khám Ba Đình Số tiền góp vốn là: 4.700.000.000 (Bốn tỷ bảy trăm triệu đồng ./.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(m) Is the investment of Sara Vietnam Joint Stock Company in Ba Dinh Clinic Joint Stock Company. The capital contribution is: 4,700,000,000 (Four billion seven hundred million VND ./.)

(n) Là khoản đầu tư của Công Ty Cổ Phần Sara Việt Nam vào Công Ty Cổ Phần Phòng Khám Nghệ An Số tiền góp vốn là: 4.800.000.000(Bốn tỷ tám trăm triệu đồng ./.)

(n) Is the investment of Sara Vietnam Joint Stock Company in Nghe An Clinic Joint Stock Company. The capital contribution is: 4,800,000,000 (Four billion eight hundred million VND ./.)

7.3 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Investment in joint ventures associates

CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG BÌNH (1) GOLAB QUANG BINH TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY	9.000.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH PHÚC (2) GOLAB VINH PHUC TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY	9.000.000.000
CÔNG TY CP FAMICARE PHÁP VÂN (3) FAMICARE PHAP VAN JOINT STOCK COMPANY	9.000.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN (4) GOLAB PHAP VAN TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY	9.000.000.000
CÔNG TY CP FAMICARE VĨNH LONG (5) FAMICARE VINH LONG JOINT STOCK COMPANY	8.500.000.000
CÔNG TY CP FAMICARE BẠC LIÊU (6) FAMICARE BAC LIEU JOINT STOCK COMPANY	5.000.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẠC LIÊU (7) GOLAB BAC LIEU TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY	9.000.000.000
CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG BÌNH (8) FAMICARE QUANG BINH JOINT STOCK COMPANY	8.180.000.000
CÔNG TY CP FAMICARE HẢI DƯƠNG (9) FAMICARE HAI DUONG JOINT STOCK COMPANY	8.170.000.000
CÔNG TY CP FAMICARE KIÊN GIANG (10) FAMICARE KIÊN GIANG JOINT STOCK COMPANY	3.000.000.000
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT	

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

NGHIỆM GOLAB GÒ VẤP (11) GOLAB GO VAP TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY	9.000.000.000	
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5 (BV CHỢ RẦY) (12) GOLAB TESTING CENTER DISTRICT 5 JSC (CHO RAY HOSPITAL)	9.000.000.000	
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KON TUM (13) GOLAB KON TUM TESTING CENTER JSC	9.000.000.000	
CÔNG TY CP FAMICARE BẮC NINH (14) FAMICARE BAC NINH JOINT STOCK COMPANY	4.500.000.000	
CÔNG TY CP FAMICARE NINH BÌNH (15) FAMICARE NINH BINH JOINT STOCK COMPANY	4.500.000.000	
CÔNG TY CP FAMICARE HÒA BÌNH (16) FAMICARE HOA BINH JOINT STOCK COMPANY	4.200.000.000	
CÔNG TY CP FAMICARE SÓC TRĂNG (17) FAMICARE SOC TRANG JOINT STOCK COMPANY	4.200.000.000	
Cộng	122.131.000.000	304.932.519
Add		

(1) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG BÌNH. Số tiền góp vốn là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 19/07/2024.

(1) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in GOLAB QUANG BINH TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 9,000,000,000 (Nine billion VND./.). Capital contribution is completed on July 19, 2024.

(2) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH PHÚC. Số tiền góp vốn là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 29/06/2024.

(2) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in GOLAB VINH PHUC TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 9,000,000,000 (Nine billion VND./.). Capital contribution is completed on June 29, 2024.

(3) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE PHÁP VÂN. Số tiền góp vốn là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 29/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (3) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE PHAP VAN JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 9,000,000,000 (Nine billion VND./.). The capital contribution will be completed on June 29, 2024.
- (4) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN. Số tiền góp vốn là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 29/06/2024.
- (4) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in GOLAB PHAP VAN TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 9,000,000,000 (Nine billion VND./.). The capital contribution will be completed on June 29, 2024.
- (5) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE VĨNH LONG. Số tiền góp vốn là 8.500.000.000 VNĐ (Ba tỷ đồng./.).
- (5) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE VINH LONG JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 8,500,000,000 (Three billion VND./.).
- (6) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE BẠC LIÊU. Số tiền góp vốn là 5.000.000.000 VNĐ (Ba tỷ đồng./.).
- (6) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE BAC LIEU JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 5,000,000,000 (Three billion VND./.).
- (7) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẠC LIÊU. Số tiền góp vốn là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 18/07/2024.
- (7) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in GOLAB BAC LIEU TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 9,000,000,000 (Nine billion VND./.). Capital contribution is completed on July 18, 2024.
- (8) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG BÌNH. Số tiền góp vốn là 8.180.000.000 VNĐ (Ba tỷ đồng./.).
- (8) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE QUANG BINH JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is 8,180,000,000 VND (Three billion VND./.).
- (9) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE HẢI DƯƠNG. Số tiền góp vốn là 8.170.000.000 VNĐ (Ba tỷ đồng./.).
- (9) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE HAI DUONG JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 8,170,000,000 (Three billion VND./.).
- (10) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE KIÊN GIANG. Số tiền góp vốn là 3.000.000.000 VNĐ (Ba tỷ đồng./.).
- (10) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE KIÊN GIANG JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 3,000,000,000 (Three billion VND./.).
- (11) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GÒ VẤP. Số tiền góp vốn là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 29/06/2024.
- (11) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in GOLAB GO VAP TESTING CENTER JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is VND 9,000,000,000 (Nine billion VND./.). Capital contribution completed on June 29, 2024.
- (12) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5 (BV CHỢ RẪY). Số tiền góp vốn là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 20/08/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(12) Is an investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in GOLAB TESTING CENTER DISTRICT 5 JSC (CHO RAY HOSPITAL). The capital contribution amount is VND 9,000,000,000 (Nine billion VND./.). Capital contribution completed on August 20, 2024.

(13) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KON TUM. Số tiền góp vốn là 9.000.000.000 VNĐ (Chín tỷ đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 22/08/2024.

(13) Is an investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in GOLAB KON TUM TESTING CENTER JSC. The capital contribution amount is VND 9,000,000,000 (Nine billion VND./.). Capital contribution completed on August 22, 2024.

(14) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE BẮC NINH. Số tiền góp vốn là 4.500.000.000 VNĐ (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 05/09/2024.

(14) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE BAC NINH JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is 4,500,000,000 VND (Four billion five hundred million VND./.). Capital contribution is completed on September 5, 2024.

(15) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE NINH BÌNH. Số tiền góp vốn là 4.500.000.000 VNĐ (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 23/08/2024.

(15) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE NINH BINH JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution is 4,500,000,000 VND (Four billion five hundred million VND./.). Capital contribution is completed on August 23, 2024.

(16) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE HÒA BÌNH. Số tiền góp vốn là 4.200.000.000 VNĐ (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 20/09/2024.

(16) Is the investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE HOA BINH JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution amount is 4,200,000,000 VND (Four billion two hundred million VND./.). Capital contribution will be completed on September 20, 2024.

(17) Là khoản đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM vào công ty CÔNG TY CP FAMICARE SÓC TRĂNG. Số tiền góp vốn là 4.200.000.000 VNĐ (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng đồng./.). Hoàn tất góp vốn vào ngày 30/09/2024.

(17) This is an investment of SARA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY in FAMICARE SOC TRANG JOINT STOCK COMPANY. The capital contribution amount is 4,200,000,000 VND (Four billion two hundred million VND./.). Capital contribution will be completed on September 30, 2024.

8. Phải trả người bán ngắn hạn Short-term payables to suppliers

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	01/01/2024
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> <i>Payable to other suppliers</i>		
Công ty CP ĐTBV Việt Mỹ Viet My Investment Joint Stock Company	626.000.000	626.000.000
Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Bông Sen Bong Sen Fund Management Joint Stock Company	0	203.857.947
Công ty chứng khoán NH Đông Á Dong A Bank Securities Company	59.500.000	59.500.000
Công ty CPTVCNTB và KĐXD Conico	0	53.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		01/01/2024			
Conico Construction and Investment Joint Stock Company						
Công ty TNHH Thiết bị và dụng cụ y khoa 3P 3P Medical Equipment and Instruments Company Limited		1.268.700.000		1.268.700.000		
Công ty CP Medicare Cần Thơ Medicare Can Tho Joint Stock Company		2.887.500.000		2.887.500.000		
Công ty TNHH Kannapi Kannapi Company Limited		13.987.303.958				
Các nhà cung cấp khác (CPN, VPP, VC....) Other suppliers (CPN, VPP, VC....)				27,526,499		
Cộng Plus		18.829.003.958		5.126.084.446		
9. Người mua trả tiền trước Buyer pays in advance						
		Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		01/01/2024		
<i>Trả trước các bên liên quan Advances to Related Parties</i>						
Công Ty Cổ Phần ViNam ViNam Joint Stock Company		1.380.750.000				
Cộng Community		1.380.750.000				
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Taxes and amounts payable to the State						
	Số đầu năm Beginning of year number	Phát sinh trong kỳ Occurred during the period Số phải nộp		Số cuối kỳ Final number		
	Phải nộp Payables	Phải thu Receivables	Amount ayable	Số đã nộp Amount paid	Phải nộp Must Pay	Phải thu Receivables
Thuế GTGT hàng bán nội địa VAT on domestic sales		-	3.442.976.370	3.164.251.807	278.724.563	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp Corporate income tax						
Thuế thu nhập cá nhân Personal income tax	16.918.336		32.835.641	38.815.047	10.938.930	-
Các loại thuế khác Other taxes		-	53.845.664	53.845.664		-
Cộng Total	16.918.336		3.256.912.518	3.529.657.675	289.663.493	0
<i>Thuế giá trị gia tăng Value Added Tax</i>						

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:
The Company pays value added tax by the deduction method. The value added tax rates are as follows:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế Revenue from the sale of medical supplies and equipment	5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện, thực phẩm đông lạnh chưa qua chế biến. Revenue from the provision of testing, screening, and imaging services in conjunction with hospitals, and unprocessed frozen foods. Not subject to tax	Không chịu thuế
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác Revenue from the sale of other goods and services	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Corporate Income Tax

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

The Company must pay corporate income tax on taxable income at a rate of 20%

Các loại thuế khác

Other taxes

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

The Company shall declare and pay in accordance with regulations.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn Short-term payable expenses

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	01/01/2024
Chi phí lãi vay phải trả (PM YTV) Interest Expenses Payable (PM YTV)	-	-
Phí ủy thác đầu tư Investment Trust Fees	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác Other Short-Term Expenses		7.397.260
Cộng Total		7.397.260

12. Phải trả ngắn hạn khác Other short-term payables

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn Union Fund	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội		

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	01/01/2024
Social Insurance		
Bảo hiểm y tế		
Health Insurance		
Bảo hiểm thất nghiệp		
Unemployment Insurance		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		
Other Short-Term Payables	91.276.071	63.050.537
Cộng		
Total	100.884.644	72.659.110

13. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	431.999.740.000	(193.750.000)-	2.863.107.311	159.532.183.303	594.201.280.614
Opening balance of this year					
Lợi nhuận năm trước	-	-	-		
Previous year's profit					
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền					
Issuance of shares for cash					
Số dư cuối năm trước	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	159.532.183.303	594.201.280.614
Last year's closing balance					
Số dư đầu năm nay	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	159.532.183.303	594.201.280.614
Opening balance of this year					
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền					
Issuance of shares for cash			-	-	
Lợi nhuận trong kỳ này				9.092.184.803	9.092.184.803
Profit for this period	-	-	-		
Số dư cuối kỳ này	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	168.624.368.106	603.293.465.417
Closing balance of this period					

**Cổ phiếu
Share**

	Số cuối kỳ Ending balance	Số đầu năm Beginning balance
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Number of shares registered for issuance	43.199.974	43.199.974
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Number of shares sold to the public	43.199.974	43.199.974

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>Ending balance</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Beginning balance</u>
- Cổ phiếu phổ thông Common shares	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu ưu đãi Preferred shares	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu phổ thông Common shares	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu ưu đãi Preferred shares	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.
Outstanding shares face value: 10,000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE INCOME STATEMENT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Sales and service revenue

	<u>Từ 01/01/2024 đến</u> <u>31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến</u> <u>30/12/2023</u>
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ Sales and service revenue	64.930.829.630	15.331.453.225
Cộng Add	64.930.829.630	15.331.453.225

2. Giá vốn hàng bán
Cost of goods sold

	<u>Từ 01/01/2024 đến</u> <u>31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến</u> <u>30/12/2023</u>
Giá vốn của hàng bán Cost of goods sold	56.081.000.000	12.955.629.045
Cộng Add	56.081.000.000	12.955.629.045

3. Doanh thu hoạt động tài chính
Financial revenue

	<u>Từ 01/01/2024 đến</u> <u>31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến</u> <u>30/12/2023</u>
Lãi tiền gửi Deposit Interest	914.278	520.540
Lãi đầu tư cổ phiếu Share Investment Interest	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia Dividends, Profits Shared	2.600.000.000	2.289.000.000
Cộng	2.600.914.278	2.289.520.540

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/12/2023</u>
Add		
4. Chi phí tài chính Financial costs		
	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/12/2023</u>
Chi phí lãi vay Interest expense	1.529.097.274	353.685.912
Chi phí tài chính Financial costs		
Cộng Add	<u>1.529.097.274</u>	<u>353.685.912</u>
5. Chi phí bán hàng Selling expenses		
	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/12/2023</u>
	13.556.000	331.459.804
Cộng Add	<u>13.556.000</u>	<u>331.459.804</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp Business management costs		
	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/12/2023</u>
	803.304.859	2.706.325.009
Cộng Add	<u>803.304.859</u>	<u>2.706.325.009</u>
7. Chi phí khác Other costs		
	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/12/2023</u>
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm Late payment of taxes and insurance	53.776.453	63.521.173
Cộng Add	<u>53.776.453</u>	<u>63.521.173</u>
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Current corporate income tax expense		
	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/12/2023</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.092.184.803	5.719.815.499

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Biệt thự 35 BT5 KĐT Pháp Vân Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/12/2023</u>
Total accounting profit before tax		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Adjustments to increase or decrease accounting profit to determine profit subject to corporate income tax:	0	0
- Các khoản điều chỉnh tăng Increases	53.776.453	
<i>Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm Tax and insurance late payment penalties</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm Decreases		
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia Dividends and profits shared</i>	2.600.000.000	
Thu nhập chịu thuế Taxable income		
Lỗ các năm trước được chuyển Losses carried forward from previous years		
Thu nhập tính thuế Taxable income	6.545.961.256	5.719.815.499
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Corporate income tax rate	<u>20%</u>	<u>20%</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Corporate income tax payable</i>		
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước Adjustment of corporate income tax payable from previous years</i>		
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Current Corporate Income Tax Expenses		

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
OTHER INFORMATION**

1. Không
No

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2025
Established on January 18, 2025

Người lập biểu
Preparer



Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc
General Director



Nguyễn Minh Tâm